

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHẢO SÁT TÌNH HÌNH VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2017 (Sau 6 tháng)
(Thực hiện theo Công văn số 3943/BGDĐT-GDĐT ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Trình độ đào tạo: Đại học & Cao đẳng chính quy
Đường link Website công khai báo cáo: <https://tdmu.edu.vn/tt36/nam-2016-2017>
Họ và tên cán bộ tổng hợp: Hoàng Thị Thanh Nhân

Điện thoại: (0274) 3865866 Email: lmc@tdmu.edu.vn

TT	Mã ngành	Tên ngành	Số SV/TN		Số SV phân hồi		Tình hình việc làm					Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số sinh viên phân hồi	Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số sinh viên tốt nghiệp	Khu vực làm việc			
			Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Có việc làm			Chưa có việc làm							
							Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG																	
1	5140201	Giáo dục Mầm non	96	96	85	85	49	1	7	2	26	69.41%	61.46%	17	33	4	3
2	51140202	Giáo dục Tiểu học	138	127	103	97	72	7	4	2	18	82.52%	61.59%	57	18	3	5
3	51140209	Sư phạm Toán học	130	89	97	61	42	18	5	11	21	78.35%	58.46%	32	13	14	6
4	51140211	Sư phạm Vật lý	66	49	58	49	18	5	15	5	15	74.14%	65.15%	9	8	16	5
5	51140213	Sư phạm Sinh học	65	56	58	49	17	4	17	2	18	68.97%	61.54%	19	13	3	3
6	51140219	Sư phạm Địa lý	72	53	62	41	23	6	17	1	15	75.81%	65.28%	23	15	5	3
7	51140231	Sư phạm Tiếng Anh	87	77	83	75	31	4	14	6	28	66.27%	63.22%	19	21	2	7
8	51340301	Kế toán	69	68	64	67	26	11	8	2	17	73.44%	68.12%	3	33	4	5
9	51510301	Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử	23	0	23	0	8	1	3	2	9	60.87%	60.87%	0	5	1	6
10	51760101	Công tác xã hội	26	22	22	19	3	2	7	4	6	72.73%	61.54%	3	7	1	1
11	51510101	Công nghệ Kỹ thuật Kiến trúc	3	0	3	0	3	0	0	0	0	100.00%	100.00%	0	3	0	0
12	51510103	Công nghệ Kỹ thuật Xây dựng	24	0	24	0	5	5	2	6	6	75.00%	75.00%	1	7	2	2
Tổng Cao đẳng (1)			799	637	682	543	297	64	99	43	179	73.75%	62.95%	183	176	55	46
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC																	
1	7140101	Giáo dục học	40	40	38	35	16	9	4	2	7	81.58%	77.50%	13	7	3	6
2	7140201	Giáo dục Mầm non	130	130	107	107	82	0	9	0	16	85.05%	70.00%	33	49	5	4
3	7140202	Giáo dục Tiểu học	235	228	199	186	146	16	8	2	27	86.43%	73.19%	142	18	3	7
4	7140217	Sư phạm Ngữ văn	71	59	66	54	28	1	15	2	20	69.70%	64.79%	24	13	3	4
5	7140218	Sư phạm Lịch sử	51	40	40	34	21	0	17	0	2	95.00%	74.51%	18	10	5	5
6	7380101	Luật	236	167	215	150	69	70	47	8	21	90.23%	82.20%	35	104	5	42
7	7340301	Kế toán	130	121	102	94	58	7	18	2	17	83.33%	65.38%	3	51	2	27
8	7340101	Quản trị kinh doanh	101	81	98	81	45	11	19	4	19	80.61%	78.22%	5	35	3	32
9	7340201	Tài chính Ngân Hàng	44	35	33	29	19	4	6	1	3	90.91%	68.18%	5	20	1	3

TT	Mã ngành	Tên ngành	Số SVTN		Số SV phân hội		Tình hình việc làm					Tỷ lệ SV có việc làm/tổng sinh viên phân hội	Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số sinh viên tốt nghiệp	Khu vực làm việc			
			Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Có việc làm			Chưa có việc làm							
							Đúng ngành đào tạo	Liên quan ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
10	7440112	Hóa học	106	81	92	79	39	11	20	1	21	77.17%	66.98%	8	24	3	35
11	7440301	Khoa học môi trường	58	32	49	29	12	15	15	3	4	91.84%	77.59%	18	15	9	0
12	7480103	Kỹ thuật phần mềm	23	6	21	6	11	1	1	1	7	66.67%	60.87%	0	9	1	3
13	7480104	Hệ thống thông tin	26	5	19	5	10	2	5	0	2	89.47%	65.38%	1	9	0	7
14	7510601	Quản lý Công nghiệp	42	34	40	34	22	1	13	2	2	95.00%	90.48%	0	13	0	23
15	7520201	Kỹ thuật điện	47	0	36	0	23	1	4	3	5	86.11%	65.96%	3	9	4	12
16	7580201	Kỹ thuật xây dựng	34	7	34	7	21	7	2	2	2	94.12%	94.12%	4	20	4	2
17	7580101	Kiến trúc	60	15	60	15	26	14	8	0	12	80.00%	80.00%	4	35	5	4
18	7220201	Ngôn ngữ Anh	140	128	122	114	65	10	26	8	13	89.34%	77.86%	10	54	0	37
19	7220204	Ngôn ngữ Trung quốc	33	27	30	24	17	5	3	0	5	83.33%	75.76%	1	3	1	20
20	7760101	Công tác xã hội	38	29	34	28	16	11	3	1	3	91.18%	81.58%	5	15	7	3
21	7850101	Quản lý Tài nguyên và môi trường	93	57	90	55	5	48	24	0	13	85.56%	82.80%	7	52	0	18
Tổng Đại học (2)			1738	1322	1525	1166	751	244	267	42	221	85.51%	75.03%	339	565	64	294
Tổng cộng toàn trường (1)+(2)			2537	1959	2207	1709	1048	308	366	85	400	81.88%	71.23%	522	741	119	340

Chị chú:

Ghi chú:

(*) Trường hợp các ngành chưa có mã ngành thuộc danh mục cấp IV để nghị ghi rõ tên chương trình đang đào tạo trong cột tên ngành

(**) Tỷ lệ SVTN có việc làm được tính theo công thức: [(SL SVTN có việc làm + SL SVTN chưa có việc làm nhưng đang học nâng cao) / tổng số SVTN được khảo sát có phản hồi]* 100

Bình Dương, ngày 08 tháng 01 năm 2018

KT. Hiệu trưởng



TS. Ngô Hồng Diệp